

CHIẾN LƯỢC CÂN BẰNG QUYỀN LỰC CỦA ẤN ĐỘ VÀ VIỆT NAM TẠI KHU VỰC ẤN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN ANH CƯỜNG*

NGUYỄN MAI ĐỨC HIẾU**

Tóm tắt: Bài viết phân tích và so sánh chiến lược cân bằng quyền lực của Việt Nam tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, lấy Ấn Độ làm đối chứng tham chiếu nhằm làm rõ sự khác biệt trong cách thức và mức độ triển khai chính sách cân bằng của hai quốc gia. Bài viết dựa trên bốn tiêu chí: mục tiêu chiến lược, công cụ thực hiện, yếu tố Mỹ - Trung và mức độ liên minh - không liên minh. Nghiên cứu chỉ ra rằng, khác với Ấn Độ chủ động thực hiện chiến lược cân bằng nhằm mở rộng ảnh hưởng trong khu vực, Việt Nam theo đuổi mô hình cân bằng nhằm bảo vệ chủ quyền, duy trì ổn định và phát triển. Sự khác biệt này phản ánh sự chênh lệch về sức mạnh, vị thế và định hướng chiến lược của hai quốc gia. Từ đó, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách giúp Việt Nam củng cố năng lực tự chủ chiến lược và phát huy vai trò trong cấu trúc khu vực đang định hình.

Từ khóa: Cân bằng quyền lực, tự chủ chiến lược, chiến lược phòng ngừa, Ấn Độ, Việt Nam, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

Lĩnh vực nghiên cứu: Quan hệ đối ngoại

Abstract: This paper analyzes and compares Vietnam's power-balancing strategy in the Indo-Pacific region, using India as a reference point to highlight the differences in how the two countries formulate and implement balancing policies. The study uses four criteria: (1) strategic objectives, (2) implementation instruments, (3) the U.S - China factor, and (4) the degree of alignment versus non-alignment. The findings indicate that, while India proactively pursues a balancing strategy to expand its regional influence, Vietnam adopts a balancing model primarily aimed at safeguarding sovereignty, maintaining stability and development. These differences reflect the disparities in capabilities, strategic positioning, and strategic orientation between the two countries. Based on these findings, the paper proposes several policy implications for Vietnam to strengthen its strategic autonomy and enhance its role within the emerging regional architecture.

Keywords: Power balancing, strategic autonomy, hedging strategy, India, Vietnam, Indo-Pacific

(Ngày nhận bài: 22/9/2025; ngày gửi phản biện: 26/9/2025; ngày duyệt bài: 7/11/2025)

Giới thiệu

Khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương hiện đang là tâm điểm của những biến động địa chính trị toàn cầu với sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc. Trong bối cảnh này, các quốc gia trong khu vực buộc phải chủ động áp dụng các chiến lược đa dạng nhằm cân bằng ảnh hưởng từ các cường quốc¹. Hành vi của các quốc

* PGS. TS., Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Email: nguyenganhcuong@ussh.edu.vn

** Sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Email: hieunguyen2003ym@gmail.com

¹ Kenneth N. Waltz, *Theory of International Politics* (Reading, MA: Addison-Wesley, 1979).

gia vừa và nhỏ như Việt Nam, cũng như các cường quốc khu vực như Ấn Độ, trở thành những điển hình trong việc áp dụng các chiến lược cân bằng mềm và cân bằng thể chế² nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và góp phần duy trì ổn định khu vực.

Tuy có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến quan hệ song phương Việt Nam - Ấn Độ, song chưa có nhiều nghiên cứu xem xét chiến lược cân bằng quyền lực của hai nước trong cùng một khung lý thuyết so sánh và đặt trong bối cảnh cạnh tranh tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà bài viết này muốn bổ sung. Trên cơ sở đó, bài viết hướng tới phân tích và so sánh hai mô hình chiến lược cân bằng quyền lực của mỗi quốc gia, xem Ấn Độ như một tham chiếu đối chiếu để rút ra những hàm ý chính sách cho Việt Nam trong việc củng cố sự độc lập tự chủ và tăng cường hợp tác khu vực.

Bằng cách tiếp cận so sánh định tính, bài viết trả lời hai câu hỏi nghiên cứu trọng tâm: (1) Việt Nam và Ấn Độ đã dùng công cụ gì để cân bằng quyền lực tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương? (2) Từ việc đối chiếu với Ấn Độ, có thể rút ra những hàm ý chính sách cụ thể nào cho Việt Nam?

1. Khung lý thuyết và tiêu chí so sánh

1.1. Khung lý thuyết

Để phân tích các hành vi chiến lược của Việt Nam và Ấn Độ, nghiên cứu này vận dụng bốn khái niệm trung tâm trong lý thuyết quan hệ quốc tế gồm cân bằng mềm, cân bằng thể chế, chiến lược phòng ngừa và tự chủ chiến lược.

Cân bằng mềm được hiểu là kiềm chế một quốc gia có sức mạnh vượt trội thông qua các biện pháp như ngoại giao, sử dụng tổ chức quốc tế hoặc các biện pháp kinh tế thay vì xây dựng liên minh quân sự hoặc chạy đua vũ trang. Cân bằng mềm được áp dụng ở nhiều khu vực như Trung Á, châu Âu, châu Mỹ Latinh và khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, với các hình thức như liên minh ngoại giao, sử dụng tổ chức khu vực, hoặc phối hợp chính sách để hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc như Mỹ, Trung Quốc³.

Cân bằng thể chế là việc các quốc gia gia nhập, tác động hoặc sáng lập các tổ chức quốc tế, thực hiện liên minh đa phương để đối phó với áp lực hoặc mối đe dọa từ các nước lớn⁴. Cân bằng thể chế giúp các quốc gia nhỏ và trung bình tăng cường vị thế, giảm nguy cơ xung đột quân sự, đồng thời thúc đẩy hợp tác và duy trì ổn định khu vực⁵.

² Thazha Paul, "Soft Balancing in the Age of U.S. Primacy", *International Security* 30, No.1 (Summer 2005): 46-71, <https://doi.org/10.1162/0162288054894652>.

³ Paul, Kai He, and Wivel, "Soft balancing in the regions: causes, characteristics and consequences", *International Affairs* 101, No 1 (January 2025): 3-15, <https://doi.org/10.1093/ia/iaae286>.

⁴ Kai He and Huiyun Feng, "Leadership Transition and Global Governance: Role Conception, Institutional Balancing, and the AIIB", *The Chinese Journal of International Politics* (2019), <https://doi.org/10.1093/CJIP/POZ003>.

⁵ Anders Wivel and Paul, "Soft Balancing, Institutions, and Peaceful Change", *Ethics & International Affairs*, 34 (2020): 473-485, <https://doi.org/10.1017/S089267942000057X>.

Chiến lược phòng ngừa là chiến lược kết hợp các biện pháp như tăng cường quan hệ kinh tế, ngoại giao và cạnh tranh như củng cố sức mạnh quốc phòng, xây dựng liên minh nhằm giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa lợi ích trong môi trường quốc tế bất ổn⁶.

Tự chủ chiến lược là khả năng đưa ra các quyết định một cách độc lập của một quốc gia - đặc biệt là trong chính sách đối ngoại - và lựa chọn các phương án hành động ưu tiên mà không bị ảnh hưởng bởi các quốc gia khác. Tự chủ chiến lược không phải là một khái niệm cứng nhắc về việc duy trì chính sách không liên kết trong một thế giới hai cực hoặc đa cực đang ngày càng chia rẽ, mà đúng hơn, đó là một chiến lược linh hoạt nhằm giúp quốc gia định vị tốt hơn trong quá trình “mặc cả” để đạt được lợi ích tối đa⁷.

Sự kết hợp của bốn khái niệm này giúp lý giải chiến lược cân bằng của Ấn Độ và Việt Nam trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, vừa tham gia các cơ chế hợp tác khu vực để mở rộng ảnh hưởng, vừa duy trì tự chủ và hạn chế phụ thuộc chiến lược.

1.2. Tiêu chí so sánh

Trên cơ sở các khái niệm đã được xác định, bài viết tiến hành phân tích và so sánh chiến lược cân bằng quyền lực của Ấn Độ và Việt Nam dựa trên bốn tiêu chí (xem Bảng 1). Việc thiết lập các tiêu chí này nhằm tạo ra một khung phân tích đồng nhất, từ đó làm nổi bật sự khác biệt và rút ra hàm ý chính sách.

Bảng 1: Tiêu chí so sánh chiến lược

Tiêu chí	Nội dung
Mục tiêu chiến lược	Đánh giá động lực chính và mục tiêu lâu dài mà mỗi quốc gia hướng tới khi thực hiện chiến lược cân bằng. Mục tiêu này được định hình bởi vị thế (cường quốc tầm trung - nước nhỏ), tầm nhìn địa chính trị (khu vực - toàn cầu) và nhận thức về mối đe dọa (tối đa hóa quyền lực - duy trì độc lập).
Công cụ	Phân tích các công cụ chính sách, chiến lược cụ thể và các thể chế đa phương mà hai nước ưu tiên sử dụng để thực hiện việc cân bằng quyền lực.
Yếu tố Mỹ/ Trung Quốc	Phân tích ảnh hưởng của Mỹ và Trung Quốc đối với chiến lược cân bằng quyền lực. Cụ thể, xem xét các chiến lược của Trung Quốc và Mỹ có ảnh hưởng như thế nào đến sự điều chỉnh chiến lược cân bằng của Việt Nam và Ấn Độ.
Mức độ liên minh/không liên minh	Đánh giá ranh giới trong việc xây dựng các cam kết an ninh chính thức. Phân tích vai trò của chính sách tự chủ chiến lược và các chính sách giới hạn liên minh (như chính sách quốc phòng “Bốn không” của Việt Nam) trong việc định hình chiến lược cân bằng của mỗi nước.

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả.

⁶ Ivan Gonzalez Pujol, “Theorising the Hedging Strategy: National Interests, Objectives, and Mixed Foreign Policy Instruments”, *All Azimuth: A Journal of Foreign Policy and Peace* 13, No 2 (2024): 193-214, <https://doi.org/10.20991/allazimuth.1480020>.

⁷ Ume Farwa, *India’s “Strategic Autonomy”: A Reality Check* (Islamabad: Institute of Strategic Studies, January 31, 2024), 1, https://issi.org.pk/wp-content/uploads/2024/01/IB_Ume-Farwa_Jan_31_2024.pdf.

Việc thiết lập các tiêu chí so sánh trên sẽ tạo thành khung phân tích hệ thống cho bài nghiên cứu. Bằng cách áp dụng các tiêu chí này một cách nhất quán cho cả Ấn Độ và Việt Nam, bài viết làm nổi bật sự tương đồng về mục tiêu tự chủ chiến lược đồng thời chỉ ra sự khác biệt đáng kể về phương tiện và mức độ chấp nhận rủi ro, vốn bắt nguồn từ vị thế địa lý và năng lực nội tại khác nhau của mỗi nước. Khung so sánh này là cơ sở để trả lời các câu hỏi nghiên cứu, từ đó rút ra các hàm ý chính sách cụ thể cho Việt Nam ở phần kết luận.

2. Chiến lược cân bằng quyền lực của Ấn Độ

2.1. Mục tiêu chiến lược cốt lõi

Mục tiêu chiến lược của Ấn Độ trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương là trở thành một cường quốc hàng đầu, đồng thời kiên định duy trì tự chủ chiến lược trong bối cảnh cạnh tranh cường quốc⁸. Việc theo đuổi vị thế cường quốc này dựa trên cơ sở nhận thức rõ ràng về mối đe dọa từ sự trỗi dậy và mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc, đặc biệt thông qua các khoản đầu tư cơ sở hạ tầng trong khuôn khổ Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI)⁹. Do đó, chiến lược cân bằng của Ấn Độ nhằm mục đích tối đa hóa quyền lực và xây dựng đối trọng chiến lược với Trung Quốc.

Tuy nhiên, khác với các đồng minh phương Tây, Ấn Độ đặt ưu tiên cao vào tự chủ chiến lược. Khái niệm này được thể hiện qua nỗ lực tự quyết định các vấn đề đối ngoại và an ninh trọng yếu mà không bị ràng buộc bởi bất kỳ cường quốc nào. Như vậy, mục tiêu cốt lõi của Ấn Độ là trở thành một nhà cung cấp an ninh và một cực đối trọng cân bằng trong khu vực, vận dụng chiến lược cân bằng mềm một cách chủ động để bảo vệ lợi ích và vị thế cường quốc đang lên của mình.

2.2. Công cụ và thể chế sử dụng

Công cụ chính mà Ấn Độ thực hiện là chiến lược Hành động hướng Đông (AEP). Năm 2014, chính quyền Thủ tướng Modi đã chuyển đổi từ “Chính sách hướng Đông” (LEP) sang “Hành động hướng Đông” (AEP). AEP mở rộng phạm vi từ Đông Nam Á sang toàn bộ không gian Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, kết hợp các yếu tố kinh tế, chính trị, an ninh và quốc phòng, nhằm tăng cường sự can dự chủ động của Ấn Độ trong cấu trúc khu vực¹⁰. Nếu như LEP thể hiện “ý chí hướng Đông” thì AEP phản ánh “hành động hướng Đông”, nghĩa là Ấn Độ không chỉ tìm kiếm cơ hội hợp tác mà còn chủ

⁸ Vinodan and Kurian, “Strategic Autonomy and India’s Hedging Policies in the Indo-Pacific”, *Journal of Asian Security and International Affairs*, No 11 (4) (2024): 475-495, <https://doi.org/10.1177/23477970241282095>.

⁹ Nguyễn Anh Cường và Nguyễn Mai Đức Hiếu, “Cạnh tranh chiến lược giữa Ấn Độ và Trung Quốc tại khu vực Ấn Độ Dương”, *Nghiên cứu Quốc tế*, số 2(137) (2024): 75-98.

¹⁰ Nguyễn Thu Trang, “Chính sách “Hành động hướng Đông”: Ấn Độ trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”, *Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, số 4 (2023): 21-28.

động định hình trật tự khu vực thông qua các cơ chế đa phương. Với AEP, Ấn Độ mở rộng sự hiện diện quân sự, đối thoại an ninh cấp cao và hợp tác quốc phòng với các quốc gia Đông Nam Á, Đông Á. Thông qua AEP, Ấn Độ thực hiện chiến lược cân bằng mềm bằng cách tăng cường thể chế hóa quan hệ hợp tác với ASEAN thông qua các diễn đàn và cơ chế hợp tác đa phương như ARF, ADMM+ và EAS. Điều này giúp Ấn Độ duy trì ảnh hưởng chiến lược tại Đông Nam Á, hạn chế sự mở rộng đơn phương từ phía Trung Quốc, đồng thời tránh đối đầu trực diện với các cường quốc lớn tại khu vực¹¹.

Đặc biệt, khái niệm “tự chủ chiến lược” trở thành trụ cột quan trọng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi. Ấn Độ đã tham gia tích cực vào các sáng kiến do Mỹ dẫn dắt như Bộ Tứ (QUAD), song vẫn duy trì quan hệ với các đối tác như Nga thông qua Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) và BRICS, thậm chí tiếp tục nhập khẩu dầu từ Nga bất chấp các biện pháp trừng phạt quốc tế, thể hiện tư duy chiến lược tự lực rõ nét¹². Cả Mỹ và các quốc gia Liên minh châu Âu (EU) đều chỉ trích mạnh mẽ Ấn Độ vì nhập khẩu dầu từ Nga. Đại diện cấp cao của EU về chính sách đối ngoại và an ninh, Josep Borrell, thậm chí đe dọa sẽ ngừng nhập khẩu các sản phẩm của Ấn Độ được chế biến từ dầu Nga, đồng thời kêu gọi EU thắt chặt kiểm soát hàng nhập khẩu từ Ấn Độ¹³. Trước những chỉ trích đó, Ngoại trưởng Ấn Độ Subrahmanyam Jaishankar đã đáp trả rằng Ấn Độ có quyền đưa ra các quyết định độc lập, đồng thời chỉ ra rằng chính châu Âu mới là bên nhập khẩu dầu mỏ từ Nga lớn nhất. Ông thậm chí cáo buộc châu Âu áp dụng tiêu chuẩn kép và có thái độ phân biệt đối xử với Ấn Độ trong việc lựa chọn chính sách năng lượng của mình¹⁴.

Như vậy, với sự chuyển đổi từ LEP sang AEP và việc duy trì tự chủ chiến lược một cách linh hoạt, Ấn Độ không chỉ tạo dựng vị thế như một cường quốc khu vực mà còn đóng vai trò then chốt trong chiến lược cân bằng quyền lực mềm tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

2.3. Yếu tố Mỹ và Trung Quốc

Chiến lược cân bằng quyền lực của Ấn Độ được đặc trưng bởi việc quản lý khéo léo mối quan hệ với các cường quốc nhằm mục đích tối đa hóa lợi ích chiến lược từ Mỹ và các đối tác, trong khi vẫn kiên trì tự chủ chiến lược trong quan hệ với Trung Quốc và Nga.

¹¹ Paul, “Soft Balancing in the Age of U.S. Primacy”, tldd.

¹² Ume Farwa, *India’s “Strategic Autonomy”: A Reality Check*, tldd.

¹³ Henry Floy and David Sheppard, “EU Urged to Crack Down on Imports of Indian Fuels Made with Russian Oil”, *Financial Times*, ngày 16/5/2023, <https://www.ft.com/content/ebb851db-6ff6-4334-a47f-dd176b2adf2f>, truy cập ngày 15/10/2025.

¹⁴ “Jaishankar schools EU for warning India over Russian oil re-sale; ‘Check regulation...’”, *Hindustan Times*, May 17, 2023, <https://www.hindustantimes.com/videos/news/jaishankar-schools-eu-for-warning-india-over-russian-oil-re-sale-check-regulation-watch-101684303582220.html>, truy cập ngày 15/10/2025.

Về phía Trung Quốc, đây là nhân tố chính thúc đẩy Ấn Độ chuyển đổi chiến lược từ LEP sang AEP. Bởi sự trỗi dậy của Trung Quốc đã đặt ra những thách thức kép đối với Ấn Độ cả trên bộ và trên biển. Việc Trung Quốc gia tăng sự hiện diện tại Ấn Độ Dương thông qua các căn cứ quân sự và hải quân, đồng thời thắt chặt quan hệ với Pakistan, đang tạo ra những thách thức nghiêm trọng đối với an ninh của Ấn Độ¹⁵. Minh chứng rõ nhất là việc Ấn Độ không tham gia BRI vì cho rằng dự án chủ lực của BRI là Hành lang Kinh tế Trung Quốc - Pakistan đi qua lãnh thổ Pakistan mà nước này đang tranh chấp (Kashmir do Pakistan quản lý - PAK), do đó vi phạm chủ quyền của Ấn Độ¹⁶.

Về phía Mỹ, Ấn Độ đã tận dụng chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ để tối đa hóa lợi ích của mình tại khu vực. Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Mỹ cung cấp cho Ấn Độ các công nghệ quốc phòng tiên tiến và sự hỗ trợ tình báo quan trọng. Đây là công cụ cân bằng mềm hiệu quả nhằm hạn chế các hành vi của Trung Quốc. Thông qua QUAD, các cuộc tập trận như Malabar và các thỏa thuận hậu cần quốc phòng song phương với Mỹ, Nhật Bản, Australia, Ấn Độ đã thiết lập một mạng lưới an ninh khu vực hiệu quả, giúp phân tán rủi ro và củng cố nguyên tắc trật tự dựa trên luật pháp quốc tế¹⁷.

Tóm lại, chiến lược của Ấn Độ là chủ động tận dụng sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc, sử dụng Mỹ và các đối tác như một công cụ cân bằng mềm nhưng không để bị cuốn vào liên minh, từ đó củng cố vai trò là một cường quốc tự chủ chiến lược.

2.4. Mức độ liên minh

Mức độ chấp nhận rủi ro và cam kết ràng buộc trong các liên minh quân sự là tiêu chí then chốt làm nổi bật chiến lược của Ấn Độ. Dù đã tăng cường hợp tác chiến lược sâu rộng với QUAD nhưng Ấn Độ vẫn kiên quyết duy trì chính sách tự chủ chiến lược, từ chối thiết lập bất kỳ liên minh quân sự chính thức nào.

Chính sách này là sự kế thừa và hiện đại hóa của truyền thống không liên kết, khẳng định rằng Ấn Độ sẽ không cho phép các lợi ích quốc gia của mình bị chi phối bởi lợi ích của một cường quốc bên ngoài. Điều này có nghĩa là Ấn Độ cam kết hợp tác để đối phó với thách thức từ Trung Quốc, nhưng sẽ không ràng buộc mình vào một “liên minh kiểm chế”. Sự tham gia của Ấn Độ vào Bộ Tứ là minh chứng rõ nhất cho ranh giới này. QUAD là một cơ chế đối thoại an ninh cấp cao, phi quân sự, được sử dụng để thực hiện

¹⁵ Mishra and Pandey, “QUAD in Indo-Pacific Region: India’s Role and Strategies for Engagement and Cooperation”, *International Journal For Multidisciplinary Research*, No5 (5) (2023): 4, <https://doi.org/10.36948/ijfmr.2023.v05i05.6968>.

¹⁶ Alexey D. Muraviev, Dalbir Ahlawat, and Lindsay Hughes, “India’s Security Dilemma: Engaging Big Powers while Retaining Strategic Autonomy”, *International Politics* 59, No. 6 (2022): 1119-1138, <https://doi.org/10.1057/s41311-021-00350-z>.

¹⁷ Aagya Gupta, “India’s QUAD Strategy”, *E-International Relations*, ngày 22/10/2024, <https://www.e-ir.info/2024/10/22/indias-quad-strategy/>, truy cập ngày 3/10/2025.

cân bằng mềm và cân bằng thể chế, nhưng không phải là một liên minh chính thức¹⁸. Điều này cho phép Ấn Độ tận dụng sức mạnh đối trọng của các nước đối tác mà không phải hy sinh quyền tự quyết trong các cuộc khủng hoảng. Sự đa cực hóa đối tác này nhằm đảm bảo Ấn Độ luôn có nhiều lựa chọn chính sách, tránh bị phụ thuộc chiến lược vào một cường quốc duy nhất.

Tóm lại, khác với các quốc gia đồng minh của Mỹ, chiến lược cân bằng của Ấn Độ được xây dựng trên nguyên tắc hợp tác chiến lược sâu rộng mà vẫn duy trì rào cản liên minh quân sự tối đa. Điều này khẳng định mục tiêu của Ấn Độ là một cường quốc tự chủ, sẵn sàng dẫn dắt và định hình trật tự khu vực theo các điều kiện của riêng mình.

3. Chiến lược cân bằng quyền lực của Việt Nam

3.1. Mục tiêu chiến lược cốt lõi

Mục tiêu cốt lõi của Việt Nam trong chiến lược cân bằng quyền lực là bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững an ninh chính trị, môi trường hòa bình để xây dựng và phát triển đất nước¹⁹, đồng thời tối đa hóa lợi ích phát triển thông qua hợp tác đa phương và đối tác linh hoạt. Đây là định hướng xuyên suốt trong tư duy đối ngoại của Việt Nam từ sau Đổi mới (năm 1986) đến nay, thể hiện rõ nguyên tắc “đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế” và phương châm “là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước”²⁰. Mục tiêu này được thể hiện trong Sách trắng Quốc phòng Việt Nam (năm 2019), trong đó nhấn mạnh “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa bằng biện pháp hòa bình”, nghĩa là tăng cường hợp tác, xây dựng lòng tin chiến lược, và sử dụng luật pháp quốc tế để bảo vệ lợi ích quốc gia thay vì sử dụng sức mạnh quân sự.

Chiến lược cân bằng quyền lực của Việt Nam gắn liền với mục tiêu phát triển quốc gia. Việt Nam xác định rằng an ninh và phát triển là hai mặt gắn bó hữu cơ, trong đó hòa bình và ổn định là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Bằng cách duy trì quan hệ cân bằng giữa các cường quốc, Việt Nam có thể tận dụng cạnh tranh Mỹ - Trung để mở rộng cơ hội hợp tác kinh tế, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu vào Việt Nam. Ví dụ, trong giai đoạn 2020-2024, Việt Nam đồng thời đón đầu các làn sóng đầu tư công nghệ cao từ Mỹ (Apple, Intel, Google) và mở rộng thương mại với Trung Quốc, đối tác nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam.

¹⁸ Aagya Gupta, “India’s QUAD Strategy”, t.lđđ.

¹⁹ Bộ Quốc phòng Việt Nam, *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2019* (Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2019), 22.

²⁰ Thái Văn Long, “Quá trình phát triển đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Đảng ta trong gần 40 năm đổi mới”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 8/10/2024, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/qua-trinh-phat-trien-duong-loi-doi-ngoai-doc-lap-tu-chu-cua-dang-ta-trong-gan-40-nam-doi-moi, truy cập ngày 05/10/2025.

3.2. Công cụ và thể chế sử dụng

Việt Nam đã áp dụng chiến lược đa phương hóa và chiến lược phòng ngừa như một phản ứng linh hoạt trước những thay đổi và cạnh tranh giữa các cường quốc lớn, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc.

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII nhấn mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ quốc tế nhằm giữ vững độc lập, tự chủ, bảo vệ lợi ích quốc gia trước áp lực ngày càng tăng từ môi trường quốc tế đầy biến động²¹. Độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế là quan điểm cơ bản, xuyên suốt của Việt Nam. Đối ngoại đa phương là phương thức hữu hiệu để ứng phó với thế giới đầy biến động, giữ vững môi trường hòa bình ổn định để phát triển, nâng cao vị thế quốc tế của đất nước²².

Chiến lược đa phương hóa của Việt Nam tập trung vào việc xây dựng một mạng lưới đối tác chiến lược rộng lớn với nhiều quốc gia trên thế giới, không chỉ giới hạn trong khu vực ASEAN mà còn mở rộng hợp tác với EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ và Nga²³. Điều này giúp Việt Nam duy trì không gian chính trị linh hoạt, tránh bị lệ thuộc hoặc bị cuốn vào bất kỳ liên minh đối đầu nào, qua đó giảm thiểu rủi ro xung đột trực tiếp với các cường quốc²⁴. Việt Nam đặc biệt chú trọng đến các diễn đàn đa phương như ASEAN, ADMM+, ARF nhằm thúc đẩy hợp tác khu vực, duy trì ổn định và ngăn chặn nguy cơ leo thang căng thẳng trong các vấn đề nhạy cảm như Biển Đông. Đây là hình thức cân bằng thể chế điển hình khi Việt Nam sử dụng các thể chế đa phương nhằm điều phối các mối quan hệ trong khu vực, gia tăng vị thế quốc gia và hạn chế phạm vi ảnh hưởng của các cường quốc.

Chiến lược phòng ngừa của Việt Nam được xây dựng trên nền tảng tư duy “phòng thủ chủ động”, kết hợp giữa sức mạnh quốc gia tự thân và cơ chế hợp tác đa tầng nhằm duy trì độc lập chiến lược trong môi trường cạnh tranh nước lớn ngày càng gay gắt. Về mặt công cụ, Việt Nam dựa vào hệ thống quốc phòng toàn dân, lấy Quân đội nhân dân làm nòng cốt, cùng với việc phát triển công nghiệp quốc phòng và năng lực an ninh mạng, qua đó củng cố khả năng rắn đe và tự vệ²⁵. Các văn kiện như Sách trắng Quốc

²¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1 (Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021).

²² Vũ Đăng Minh, “Đa phương hóa quan hệ quốc tế, chuyên không của riêng ai”, *Trang Thông tin đối ngoại*, ngày 22/9/2024, <https://ttdn.vn/nghien-cuu-trao-doi/su-kien-binh-luan/da-phuong-hoa-quan-he-quoc-te-chuyen-khong-cua-rieng-ai-109830>, truy cập ngày 05/10/2025.

²³ Nguyen Thi Thuy Ngan, Asrinaldi, and Indah Adi Putri, “Vietnam’s Foreign Policy in the 21st Century: Balancing Global Powers”, *International Journal of Political Science and Governance* 7, No. 6 (2025): 155-161, <https://doi.org/10.33545/26646021.2025.v7.i6b.576>.

²⁴ Nguyễn Anh Cường và Nguyễn Mai Đức Hiếu, “Cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và Ấn Độ tại Đông Nam Á và tác động tới Việt Nam”, *Nghiên cứu Trung Quốc*, 1(281) (2025): 50-62.

²⁵ Nguyễn Tân Cương, “Phát huy vai trò nòng cốt quân đội anh hùng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh”, *Báo Quân đội nhân dân*, ngày 20/12/2024, <https://www.qdnd.vn/quoc-phong-an-ninh/xay-dung-quan-doi/phot-huy-vai-tro-nong-cot-quan-doi-an-hung-xay-dung-nen-quoc-phong-toan-dan-vung-manh-807872>, truy cập ngày 10/10/2025.

phòng Việt Nam 2019 xác định rõ chính sách “Bốn không” - không tham gia liên minh quân sự, không liên kết để chống nước khác, không cho đặt căn cứ quân sự nước ngoài và không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực - phản ánh tư duy phòng ngừa và tự chủ, đồng thời giữ không gian chiến lược linh hoạt trước biến động khu vực²⁶.

Ngoài ra, việc Việt Nam mở rộng quan hệ quốc phòng song phương với Mỹ, Ấn Độ, Nhật Bản và EU cho thấy một dạng thức phòng ngừa linh hoạt, vừa củng cố khả năng tự vệ, vừa duy trì thế cân bằng chiến lược mà không vi phạm nguyên tắc phi liên minh.

3.3. Yếu tố Mỹ và Trung Quốc

Tại khu vực Biển Đông, Trung Quốc đã thực hiện chiến lược gia tăng kiểm soát các thực thể biển chiếm đóng phi pháp và vùng biển tranh chấp bằng sức mạnh quân sự, các hoạt động cải tạo đảo nhân tạo, gây ra nhiều mối lo ngại sâu sắc đối với an ninh và ổn định khu vực²⁷. Các hành động này không chỉ đe dọa trực tiếp đến chủ quyền của Việt Nam mà còn buộc quốc gia này phải điều chỉnh và đa dạng hóa các chiến lược an ninh, đối ngoại để bảo vệ lợi ích quốc gia²⁸.

Trong khi đó, chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ đã góp phần tạo ra một môi trường chiến lược mới với sự gia tăng cạnh tranh nhưng đồng thời cũng mở rộng không gian ngoại giao và an ninh cho Việt Nam. Việt Nam đã chủ động tận dụng cơ hội này để tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với Mỹ và các quốc gia khác trong khu vực, thúc đẩy các hợp tác an ninh biển, huấn luyện quân sự và đầu tư quốc phòng²⁹. Điều này phù hợp với chiến lược đa phương hóa, đa dạng hóa và phòng ngừa, giúp Việt Nam giảm thiểu sức ép từ các cường quốc, đặc biệt là Trung Quốc.

Tóm lại, Trung Quốc là nhân tố tạo sức ép buộc Việt Nam phải cân bằng, trong khi Mỹ là nguồn lực giúp Việt Nam thực hiện sự cân bằng đó. Chiến lược “phòng ngừa”, “đa dạng hóa, đa phương hóa” cho phép Việt Nam duy trì thế cân bằng động, bảo vệ lợi ích quốc gia cốt lõi, đồng thời tận dụng được cơ hội phát triển trong trật tự khu vực đang định hình lại.

3.4. Mức độ liên minh

Mức độ liên minh trong chiến lược cân bằng của Việt Nam được xác định bởi những giới hạn chính sách nghiêm ngặt, đối lập hoàn toàn với xu hướng xây dựng các khối an

²⁶ Bộ Quốc phòng Việt Nam, *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2019*, 25.

²⁷ Nguyen Anh Cuong, “The South China Sea for China, the United States, and what choice for Vietnam”, *Cogent Social Sciences*, 9(1) (2023), <https://doi.org/10.1080/23311886.2023.2204570>.

²⁸ Ross, Robert S., “China-Vietnamese relations in the era of rising China: Power, resistance, and maritime conflict”, *Journal of Contemporary China*, 30(130) (2020): 613-629, <https://doi.org/10.1080/10670564.2020.1852737>.

²⁹ Manurung, “The Vietnam-United States Comprehensive Strategic Partnership in the Indo-Pacific Region”, *Global and Policy Journal of International Relations*, 12(1) (2024), <https://doi.org/10.33005/jgp.v12i01.4301>.

ninh tại khu vực. Việt Nam sử dụng chính sách “Bốn không” như một công cụ chính trị và pháp lý để định hình chiến lược đa phương hóa và duy trì chiến lược phòng ngừa. Chính sách này thể hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam đối với chính sách không liên minh và vai trò trung lập, đảm bảo Việt Nam không bị cuốn vào sự đối đầu chiến lược giữa các cường quốc.

Tuy nhiên, Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2019 cũng nhấn mạnh “tăng cường hợp tác quốc phòng với các nước để nâng cao khả năng bảo vệ đất nước và giải quyết các thách thức an ninh chung. Tùy theo diễn biến của tình hình và trong những điều kiện cụ thể, Việt Nam sẽ cân nhắc phát triển các mối quan hệ quốc phòng, quân sự cần thiết với mức độ thích hợp”³⁰. Đây là điểm linh hoạt quan trọng nhất trong tư duy chiến lược của Việt Nam. Điều này cho phép Việt Nam mở rộng biên độ hành động khi môi trường an ninh thay đổi.

4. So sánh và đánh giá

Chiến lược cân bằng quyền lực của Việt Nam và Ấn Độ trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương phản ánh hai cách tiếp cận khác nhau của hai quốc gia đang tìm cách duy trì sự tự chủ chiến lược trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn. Mặc dù có sự khác biệt về quy mô, năng lực và vị thế, cả hai quốc gia đều dựa trên nền tảng cân bằng mềm, cân bằng thể chế và phi liên minh quân sự, nhằm tránh rơi vào quỹ đạo của bất kỳ cường quốc nào.

Đối với Ấn Độ, tiềm lực kinh tế mạnh mẽ, sức mạnh quân sự đáng kể cùng khát vọng trở thành cường quốc khu vực đã thúc đẩy nước này chuyển đổi từ LEP sang AEP. Chiến lược này thể hiện rõ mục tiêu củng cố tự chủ chiến lược, tăng cường hiện diện trong các cơ chế khu vực như Bộ Tứ, mở rộng quan hệ đối tác chiến lược với Mỹ, Nhật Bản, ASEAN và Australia. Đây là biểu hiện của cân bằng cứng kết hợp cân bằng mềm nhằm kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc và gia tăng sức ảnh hưởng của Ấn Độ tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Trong khi đó, Việt Nam tiếp cận vấn đề cân bằng quyền lực một cách thận trọng và linh hoạt hơn. Mục tiêu cốt lõi của Việt Nam vẫn là bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống tại Biển Đông ngày càng gia tăng. Chính sách đối ngoại “đa phương hóa” cùng nguyên tắc “bốn không” đã giúp Việt Nam duy trì thế cân bằng mềm, tránh bị cuốn vào cuộc cạnh tranh Mỹ - Trung, đồng thời củng cố vị thế trong ASEAN và các cơ chế khu vực. Việt Nam ưu tiên sức mạnh mềm ngoại giao, luật pháp quốc tế và hợp tác đa phương như những công cụ chủ đạo trong chiến lược cân bằng của mình.

³⁰ Bộ Quốc phòng Việt Nam, *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2019*, 25.

Bảng 2: Kết quả so sánh chiến lược cân bằng của Việt Nam và Ấn Độ

Tiêu chí	Việt Nam	Ấn Độ
Mục tiêu chiến lược	Duy trì độc lập, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ (đặc biệt ở Biển Đông), đảm bảo ổn định chính trị và phát triển bền vững.	Trở thành cường quốc hàng đầu, duy trì tự chủ chiến lược và tối đa hóa ảnh hưởng trong khu vực.
Công cụ	Chiến lược đa phương hóa, kết hợp chính sách phòng ngừa. Tận dụng ASEAN và các tổ chức quốc tế để cân bằng thế chế.	Chuyển từ LEP sang AEP, đẩy mạnh chiến lược tự chủ, sử dụng QUAD để cân bằng cả bên trong và bên ngoài.
Vai trò của Mỹ, Trung Quốc	Là hai yếu tố chi phối và định hình chiến lược đối ngoại của Việt Nam.	Là nhân tố thúc đẩy điều chỉnh chiến lược của Ấn Độ nhằm duy trì vị thế và tự chủ.
Mức độ liên minh	Không liên minh	Linh hoạt hơn, chấp nhận tham gia các hiệp định hậu cần, chia sẻ thông tin tình báo, và tập trận chung trong khuôn khổ QUAD

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả.

Từ sự tương đồng và khác biệt trong cách tiếp cận, Ấn Độ có thể được xem như một “đối chứng tham chiếu” giúp Việt Nam hoàn thiện chiến lược cân bằng quyền lực trong bối cảnh mới. Việt Nam có thể học hỏi cách Ấn Độ vận dụng linh hoạt sự tự chủ chiến lược, mở rộng phạm vi hợp tác mà vẫn duy trì nguyên tắc không liên minh, qua đó nâng cao năng lực nội tại và vị thế quốc tế.

5. Khuyến nghị chiến lược cho Việt Nam

Từ việc đối chiếu với Ấn Độ, Việt Nam cần xây dựng và thực hiện một khung chiến lược rõ ràng, bao gồm ba tầng chiến lược cụ thể: cân bằng từ bên trong, cân bằng song phương với Ấn Độ và cân bằng đa phương.

Về cân bằng từ bên trong, Việt Nam cần tăng cường đầu tư vào năng lực quốc phòng nội tại, đặc biệt là phát triển các công nghệ lưỡng dụng hàng hải như hệ thống giám sát ISR và các loại UAV phục vụ tuần tra biển, nâng cao năng lực răn đe và bảo vệ chủ quyền. Đồng thời, Việt Nam nên đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng trong nước, giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn cung công nghệ quốc phòng từ bên ngoài, đặc biệt là từ các quốc gia có thể gây rủi ro chiến lược³¹.

Về cân bằng song phương với Ấn Độ, Việt Nam cần thúc đẩy mạnh mẽ các cam kết hợp tác an ninh biển với Ấn Độ thông qua Kế hoạch hành động về hợp tác an ninh biển

³¹ Hồ Quang Tuấn, “Phát triển công nghiệp quốc phòng hiện đại lưỡng dụng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc thời kỳ mới”, *Tạp chí Công sản*, ngày 9/3/2024, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/898502/phat-trien-cong-nghiep-quoc-phong-hien-dai%2C-luong-dung%2C-dap-ung-yeu-cau%2C-nhiem-vu-xay-dung-va-bao-ve-to-quocthoi-ky-moi.aspx>, truy cập ngày 05/08/2025.

giai đoạn 2025-2030. Việt Nam nên tiếp tục tận dụng và mở rộng các khoản tín dụng quốc phòng từ Ấn Độ để phát triển năng lực quân sự và cảnh sát biển, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng đội tàu tuần tra hiện đại, nhằm nâng cao khả năng kiểm soát và bảo vệ chủ quyền tại Biển Đông³².

Về cân bằng thể chế qua ASEAN và các cơ chế khu vực, Việt Nam cần tích cực hơn trong việc phát huy vai trò dẫn dắt đối với Ấn Độ tại các diễn đàn đa phương quan trọng như ADMM+ và ARF, thúc đẩy các sáng kiến hợp tác an ninh hàng hải và an ninh chuỗi cung ứng. Ngoài ra, Việt Nam nên tham gia chủ động vào quá trình định hình chuẩn mực và cơ chế hợp tác khu vực, đặt ASEAN vào vị thế trung tâm trong các cuộc thảo luận chiến lược về an ninh khu vực, nhằm tránh sự thống trị đơn phương từ bất kỳ một cường quốc nào³³.

Nhìn chung, việc triển khai hiệu quả ba tầng chiến lược này sẽ không chỉ giúp Việt Nam duy trì được độc lập, tự chủ trong đối ngoại mà còn tạo ra thế cân bằng vững chắc trước những biến động và cạnh tranh nước lớn trong tương lai.

Kết luận

Trong bối cảnh cạnh tranh quyền lực giữa các cường quốc tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương ngày càng gia tăng, trật tự khu vực đang chuyển dịch theo hướng phức tạp, đa tầng và khó dự đoán, Việt Nam và Ấn Độ, với vị trí địa chính trị đặc thù, nổi lên như những nhân tố quan trọng có khả năng tác động đến cấu trúc an ninh và định hình trật tự khu vực mới. Cả hai quốc gia đều theo đuổi chiến lược cân bằng quyền lực, nhưng với phạm vi, công cụ và mức độ khác nhau, phản ánh sự khác biệt về năng lực, vị thế và định hướng chiến lược. Đối với Ấn Độ, chiến lược cân bằng được thể hiện thông qua việc chuyển từ LEP sang AEP, kết hợp giữa mở rộng quan hệ đối tác chiến lược và tham gia các cơ chế an ninh khu vực như Bộ Tứ. Cách tiếp cận này thể hiện xu hướng cân bằng cứng kết hợp cân bằng mềm nhằm kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc và gia tăng vị thế cường quốc khu vực. Ngược lại, Việt Nam ưu tiên mô hình cân bằng mềm thông qua “đa phương hoá” và sử dụng “chiến lược phòng ngừa”. Trước sức ép cạnh tranh Mỹ - Trung và các thách thức an ninh tại Biển Đông, Việt Nam sử dụng luật pháp quốc tế, quan hệ đối tác chiến lược toàn diện và vai trò trong ASEAN như những công cụ chủ đạo để duy trì thế cân bằng.

³² Do Thi Anh and Tran Hai Dinh, “Vietnam in India's Defense Cooperation Policy in the Face of Growing Competition from China”, *Pakistan Journal of Life & Social Sciences*, 22(2) (2024).

³³ Trung Hưng, “Thúc đẩy vai trò trung tâm của ASEAN trong trật tự thế giới đa cực”, *Báo Nhân Dân*, ngày 26/2/2025, <https://nhandan.vn/thuc-day-vai-tro-trung-tam-cua-asean-trong-trat-tu-the-gioi-da-cuc-post861888.html>, truy cập ngày 08/10/2025.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aagya Gupta. “India’s QUAD Strategy”. *E-International Relations*, ngày 22/10/2024, <https://www.e-ir.info/2024/10/22/indias-quad-strategy/>, truy cập ngày 3/10/2025.
- Bộ Quốc phòng Việt Nam. *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2019*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2019.
- Nguyễn Tân Cương. “Phát huy vai trò nòng cốt Quân đội anh hùng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh”. *Báo Quân đội nhân dân*, ngày 20/12/2024, <https://www.qdnd.vn/quoc-phong-an-ninh/xay-dung-quan-doi/phot-huy-vai-tro-nong-cot-quan-doi-anh-hung-xay-dung-nen-quoc-phong-toan-dan-vung-manh-807872>, truy cập ngày 10/10/2025.
- Do Thi Anh and Tran Hai Dinh. “Vietnam in India's Defense Cooperation Policy in the Face of Growing Competition from China”. *Pakistan Journal of Life & Social Sciences*, 22(2) (2024).
- Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Tập 1. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021.
- Đỗ Hùng Việt. “Ngoại giao đa phương đưa đất nước hội nhập toàn diện và sâu rộng trong thời đại mới”. *Tạp chí Cộng sản*, ngày 26/6/2025, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/1064102/ngoai-giao-da-phuong-dua-dat-nuoc-hoi-nhap-toan-dien-va-sau-rong-trong-thoi-dai-moi.aspx>, truy cập ngày 01/08/2025.
- Henry Floy and David Sheppard. “EU Urged to Crack Down on Imports of Indian Fuels Made with Russian Oil”. *Financial Times*, ngày 16/5/2023, <https://www.ft.com/content/ebb851db-6ff6-4334-a47f-dd176b2adf2f>, truy cập ngày 15/10/2025.
- Hồ Quang Tuấn. “Phát triển công nghiệp quốc phòng hiện đại lưỡng dụng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc thời kỳ mới”. *Tạp chí cộng sản*, ngày 9/3/2024, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/898502/phot-trien-cong-nghiep-quoc-phong-hien-dai%2C-luong-dung%2C-dap-ung-yeu-cau%2C-nhiem-vu-xay-dung-va-bao-ve-to-quoc-thoi-ky-moi.aspx>, truy cập ngày 05/08/2025.
- Kenneth N. Waltz. *Theory of International Politics*. Reading, MA: Addison-Wesley, 1979.
- Manurung. “The Vietnam-United States Comprehensive Strategic Partnership in the Indo-Pacific Region”. *Global and Policy Journal of International Relations*, 12(1) (2024), <https://doi.org/10.33005/jgp.v12i01.4301>.
- Mishra and Pandey. “QUAD in Indo-Pacific Region: India’s Role and Strategies for Engagement and Cooperation”. *International Journal for Multidisciplinary Research*. No5 (5) (2023), <https://doi.org/10.36948/ijfmr.2023.v05i05.6968>.
- Nguyen Anh Cuong. “The South China Sea for China, the United States, and what choice for Vietnam”. *Cogent Social Sciences*, 9(1) (2023), <https://doi.org/10.1080/23311886.2023.2204570>.
- Paul. “Soft Balancing in the Age of U.S. Primacy”. *International Security*, 30(1) (2005), <https://doi.org/10.1162/0162288054894652>.
- Trung Hưng. “Thúc đẩy vai trò trung tâm của ASEAN trong trật tự thế giới đa cực”. *Báo Nhân Dân*, ngày 26/2/2025, <https://nhandan.vn/thuc-day-vai-tro-trung-tam-cua-asean-trong-trat-tu-the-gioi-da-cuc-post861888.html>, truy cập ngày 08/10/2025.
- Ume Farwa. *India’s “Strategic Autonomy”: A Reality Check*. Islamabad: Institute of Strategic Studies, January 31, 2024, https://issi.org.pk/wp-content/uploads/2024/01/IB_Ume-Farwa_Jan_31_2024.pdf.